**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM (VFMVFB)**

**MẪU VÀ GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUÝ II.2017**

**I. Thông tin chung về Quỹ**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ chưa được soát xét tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên chứng chỉ quỹ của Quỹ là 221.27% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo; Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu là

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư cho quỹ VFMVFB là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty Quản lý quỹ VFM phát triển.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**Thấp

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** Ngày 10/06/2013

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 30/06/2017):

 **.** Tổng giá trị tài sản ròng: 320,588,862,096 Việt Nam đồng

 **.** Số lượng chứng chỉ quỹ: 21,629,596.13 chứng chỉ quỹ

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:** Có thể phân phối lợi nhuận hàng năm.

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ**: (ở thời điểm báo cáo (N)):

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2017****(%)** | **30/06/2016** **(%)** | **30/06/2015** **(%)** |
| 1.Danh mục trái phiếu  | 49,57% | 66,80% | 56,00% |
| 2.Tài sản khác | 50,43% | 33,20% | 44,00% |
| **Cộng** | **100%** | **100%** | **100%** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **30/06/2017** | **30/06/2016** | **30/06/2015** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 320.588.862.096 | 99.789.098.733 | 94.486.493.167 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành |    21.629.596,13  |     7.628.449,70  |    7.747.370,72  |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 14.821,76 | 13.081,17 | 12.195,94 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 14.821,76 | 13.104,31 | 12.205,18 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 13.103,95 | 12.211,39 | 10.853,24 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 320,40% | 7,24% | 11,84% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 338,51% | 0,86% | -2,35% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | -18,11% | 6,38% | 14,19% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 0,7% | 1,80% | 1,91% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 1,27 | 3,68 | 3,45 |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.*

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| - 1 năm | 13,21% | 7,26% |
| - 3 năm | 37,1% | 11,09% |
| - Từ khi thành lập | 48,21% | 10,18% |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **30/06/2017****(%)** | **30/06/2016** **(%)** | **30/06/2015** **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 13,31% | 7,3% | 12,8% |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.*

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

1. **Thị trường sơ cấp**

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã tổ chức 16 phiên đấu thầu trong tháng 6, huy động được 22.348 tỷ đồng trái phiếu, tăng 2,44% so với tháng 5. Tỷ lệ trúng thầu so với giá trị gọi thầu đạt 90,11%, cao nhất kể từ tháng 11 năm 2016 đến nay. Trong đó, xét về cơ cấu kỳ hạn trái phiếu kỳ hạn trúng thầu, trái phiếu 5 năm và 7 năm chiếm tỷ trọng cao nhất, lần lượt là 23,5% và 19,2%. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 20 năm chiếm tỷ trọng thấp nhất, đạt lần lượt 13,1% và 10,8%. Đáng chú ý là trái phiếu kỳ hạn 15 năm là kỳ hạn duy nhất huy động được thành công 100% khối lượng gọi thầu.

Lợi suất trúng thầu giảm mạnh trên tất cả các kỳ hạn. Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm giảm 0,15%/năm, 7 năm giảm 0,14%/năm, 10 năm giảm 0,26%/năm, 15 năm giảm 0,34%/năm, 20 năm giảm 0,33%/năm, 30 năm giảm 0,45%/năm. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 5 năm đã quay trở lại mức thấp nhất trong 3 năm qua và giữ ở mức 4,90% trong 3 phiên gần nhất. Mức 4,90% cho kỳ hạn 5 năm được coi là mức cản tâm lý rất mạnh đối với nhà đầu tư bởi vì kỳ hạn này tiệm cận với chi phi vốn của các ngân hàng và trở nên kém hấp dẫn so với các kỳ hạn dài hơn.

Trong nửa đầu năm 2017, Kho bạc Nhà nước huy động được 125.746 tỷ đồng, đạt 68,6% kế hoạch cả năm. Mặc dù khối lượng huy động được trong 6 tháng đầu năm 2017 thấp hơn đáng kể 6 tháng đầu năm 2016 (187.726 tỷ đồng), nhưng năm 2017 kỳ hạn phát hành đã có sự chuyển dịch đáng kể từ kỳ hạn ngắn sang các kỳ hạn dài. Các kỳ hạn dài 10 năm, 20 năm và 30 năm xuất sắc hoàn thành lần lượt 229%, 152% và 165% kế hoạch cả năm. Nhờ vậy, Bộ tài chính đã nâng kỳ hạn bình quân của cả danh mục TPCP từ 5,98 năm của năm 2016 lên mức 6,75 năm và giảm lãi suất phát hành bình quân từ 6,49% xuống còn 6,29%).

Trong tháng 6, HNX không tổ chức huy động trái phiếu Chính phủ bảo lãnh do đã phát hành hết hạn mức của nửa đầu năm 2017. Tính chung trong 6 tháng, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đã được phát hành khá thành công. Ngân hàng Chính sách xã hội đã huy động được 6.220 tỷ đồng, đạt 67,24% kế hoạch và Ngân hàng phát triển Việt Nam huy động được 11.400 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch năm. Dự kiến Ngân hàng Phát triển Việt nam sẽ tổ chức phát hành lại vào quý IV, thời điểm trái phiếu đáo hạn tập trung nhiều.

1. **Thị trường thứ cấp**

Thị trường trái phiếu Chính phủ thứ cấp sối động trở lại, khối lượng giao dịch trái phiếu theo phương thức giao dịch thông thường đạt 103.741 tỷ đồng, tăng 27,40% về giá trị so với tháng 5. Giá trị giao dịch bình quân mỗi ngày đạt 4.940 tỷ đồng, tăng 39,54% so với tháng trước. Đây có thể coi là tháng có giá trị giao dịch bùng nổ, khối lượng giao dịch đạt mức cao nhất kể từ đầu năm. Giao dịch trái phiếu tập trung mạnh vào các kỳ hạn ngắn dưới 5 năm, chiếm 70,71% tổng khối lượng giao dịch. Trong đó kỳ hạn dưới 3 năm chiếm 34,73% và kỳ hạn từ 3 năm đến 5 năm chiếm 35,97% tổng khối lượng trong tháng. Nhà đầu tư nước ngoài trong tháng đã mua vào 982 tỷ đồng trái phiếu, nâng tổng lượng mua ròng trong 6 tháng đầu năm lên mức 13.318 tỷ đồng, cao nhất từ năm 2010.

Tình hình vĩ mô của Việt Nam càng ngày càng ổn định, thanh khoản của hệ thống ngân hàng ngày càng được củng cố nhờ vào lượng tiền gửi của KBNN tại các ngân hàng thương mại, đã giúp các nhà đầu tư đầu tư mạnh tay trên thị trường trái phiếu Chính phủ thứ cấp. Lợi suất trái phiếu giảm mạnh và nhanh chóng, biên độ lợi suất trong ngày lên đến 15 bps đặc biệt là các kỳ hạn dài khiến cho các kỳ hạn này trở nên cạn thanh khoản. Chi phí giao dịch cho các kỳ hạn dài trở nên cao hơn bởi vì chi phí tìm đối tác giao dịch và chi phí thanh khoản ngay tăng cao. Lợi suất trái phiếu được dự báo là sẽ tiếp tục có xu hướng giảm ở các kỳ hạn dài trên 10 năm, trong khi các kỳ hạn ngắn dưới 7 năm sẽ còn phải chờ thêm tín hiệu từ lãi suất liên ngân hàng cũng như tình hình tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới

**IV, Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | -18,11% |  -18,25% | N/A |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 338,51% | 95,74% | N/A |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 320,40% | 77,48% | N/A |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 13,31% | 37,25% | 48,22% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

● Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;

● Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất,

● Các số liệu trình bày phải được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán, Trường hợp dựa trên báo cáo tài chính chưa được soát xét phải công bố thông tin rõ ràng,

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất,

● Thay đổi giá trị tài sản ròng,

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 30/06/2017 | 30/06/2016 | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ |   320.588.862.096 |    99.789.098.733 |   221,27% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 14.821,76  | 13.081,17  | 13,31% |

Kèm theo thuyết minh về sự tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ và chỉ rõ nguyên nhân:

Trong giai đoạn 30/06/2016-30/06/2017, quỹ VFMVFB có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng trưởng 13,31% chủ yếu do lợi nhuận từ việc tăng giá các tài sản đang nắm giữ và lãi suất từ các khoản đầu tư, Tổng giá trị tài sản ròng (NAV) tăng trưởng 321,26%, cao hơn tăng trưởng của NAV/chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư thực hiện mua ròng chứng chỉ quỹ VFMVFB khiến tài sản quỹ tăng trưởng so với đầu kỳ.

**4,2, Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 |  **52** | **64.354,33** | 0,3 |
| Từ 5000 - 10,000 | 10 | **68.982,06** | 0,32 |
| Từ 10,000 đến 50,000 | 18 | **378.541,07** | 1,74 |
| Từ 50,000 đến 500,000 | 24 | **3.786.401,72** | 17,51 |
| Trên 500,000 | 5 | **17.331.316,95** | 80,13 |
| **Tổng cộng** | **109** | **21.629.596,13** | **100** |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất,*

**5,** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Trình bày cam kết chính sách của Công ty quản lý quỹ về chi phí ngầm, giảm giá và tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF

**V. Thông tin về triển vọng thị trường :**

Quý 3 2017 được dự báo tiếp tục là quý có sự ổn định về kinh tế vĩ mô. Không có các biến động mạnh về lãi suất và lạm phát, hai mục tiêu được Ngân hàng Nhà nước kiểm (SBV) soát chặt chẽ thông qua các chính sách tiền tệ. Ngân hàng nhà nước sẽ tiếp tục áp dụng các chính sách quản lý tiền tệ như đã áp dụng trong 6 tháng đầu năm và sẽ có các chính sách về lãi suất và tín dụng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Các biến động lợi suất trái phiếu theo xu hướng giảm với các kỳ hạn khi lãi thanh khoản thị trường liên ngân hàng tiếp tục dồi dào và nhu cầu đầu tư trái phiếu chính phủ tiếp tục gia tăng từ khối ngân hàng thương mại và doanh nghiệp bảo hiểm.

**VI, Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
| Nhân sự điều hành Quỹ VFB | Lương Thị Mỹ Hạnh | Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu | Thạc sỹ Kinh tế | Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam  |
|  |
| Ban đại diện Quỹ | Nguyễn Bội Hồng Lê | Chủ tịch  | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán công ty CP chứng khoán dầu khí
* Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam
 |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | * Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS

Từ 2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật Sư  | * Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
|  |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Trần Thanh Tân | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2003 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Lương Thị Mỹ Hạnh | Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu | Thạc sỹ Kinh tế | * Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Nguyễn Minh Đăng Khánh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính | Thạc sỹ Tài chính – kinh tế | * Từ 2011 đến nay: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Trần Lê Minh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | * Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Trần Văn Hiếu | Phó tổng giám đốc – Khối huy động vốn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam
* Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án công ty Generali Việt Nam
* Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
* Từ 2016 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
|  *Tp HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2017***TỔNG (GIÁM) ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |  |